

**CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU ALMAZ PHARMA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU ALMAZ PHARMA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ALMAZ PHARMA EXPORT IMPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ALMAZ PHARMA CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110027981

**3. Ngày thành lập:** 10/06/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 178, Phố Hồng Tiến, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02462 991 980

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                            | 4610        |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản | 4620        |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                               | 4632        |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán Thuốc thú y<br>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>- Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc;   | 4649(Chính) |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: -Bán buôn máy móc, thiết bị y tế<br>-Kinh doanh trang thiết bị y tế                                 | 4659        |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết - Buôn bán phân bón và hoá chất khác sử dụng trong nông nghiệp (trừ hoá chất Nhà nước cấm)         | 4669        |
| 7.  | Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò                                                                                                                    | 0141        |
| 8.  | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn                                                                                                                              | 0145        |
| 9.  | Chăn nuôi gia cầm                                                                                                                                                | 0146        |
| 10. | Chăn nuôi khác                                                                                                                                                   | 0149        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                                                                                                                                                                                  | 0150 |
| 12. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                                                                   | 0161 |
| 13. | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                                                                                                                                                                                                    | 0162 |
| 14. | Nuôi trồng thủy sản biển                                                                                                                                                                                                                                       | 0321 |
| 15. | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                                                                                                                                                                                                    | 0322 |
| 16. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                               | 8292 |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                            | 8299 |
| 18. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                              | 4690 |
| 19. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                               | 4722 |
| 20. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                 | 4723 |
| 21. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                                                        | 1020 |
| 22. | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                                                                                                                                                                                                                  | 1080 |
| 23. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu<br>Chi tiết:<br>Sản xuất thuốc các loại<br>Sản xuất hoá dược và dược liệu                                                                                                                                                | 2100 |
| 24. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                  | 4799 |
| 25. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                           | 4933 |
| 26. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(trừ kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                   | 5210 |
| 27. | Bốc xếp hàng hóa<br>(trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)                                                                                                                                                                                                     | 5224 |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)<br>Chi tiết: - Giao nhận hàng hóa<br>- Gửi hàng                                                                                        | 5229 |
| 29. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Cơ sở bán lẻ thuốc, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; | 4772 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                       | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM TRUNG KIÊN | Việt Nam  | CT1C-1207 The Zen Gardens, Đường Gamuda Gardens, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 300.000.000           | 60,000    | 025091001887                                                                                            |         |
| 2   | PHẠM THỊ PHƯƠNG | Việt Nam  | Thôn Thượng Thôn, Xã Đông Tiến, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                                     | 200.000.000           | 40,000    | 027188007647                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM TRUNG KIÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/09/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025091001887

Ngày cấp: 28/02/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: CT1C-1207 The Zen Gardens, Đường Gamuda Gardens, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: CT1C-1207 The Zen Gardens, Đường Gamuda Gardens, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội